TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2022/QĐST-DS	*Thị xã Gò Công, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2022 và văn bản thống nhất kết quả hòa giải thành về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 175/20219/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Văn R, sinh năm 1959;
Địa chỉ: Ấp MN, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn: Phan Thị M, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Ấp B, xã TQ, huyện BCh, TP. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phan Ngọc V, sinh năm 1947;
Địa chỉ: Số MMC ChL, phường MM, Quận S, TP Hồ Chí Minh.
2. Phan Thị E, sinh năm 1952;
Địa chỉ: Ấp MX, xã TTr, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
3. Phạm Thị D, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Ấp Ông Cai, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.
4. Phạm Văn Q, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Ấp MN, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
5. Phạm Thị O, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Ấp MN, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
6. Phạm Thị Th, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Số KHTC2 Chung cư HL, phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.
7. Phạm Thị L, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Ấp MN, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

8. Phạm Quốc C, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp MN, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
9. Phan Thị L, sinh năm 1961;
Địa chỉ: Ấp ThPh, xã YL, huyện GCT, Tiền Giang.
10. Phan Thị Ph, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Ấp LH, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
11. Phan Thị Nh, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Ấp B, xã TQT, huyện BCh, TP. Hồ Chí Minh.
12. Phan Tấn Đ, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Ấp MN, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
13. Phan Tấn Đ, sinh năm 1995;
Địa chỉ: Ấp MN, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
14. Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Ấp MN, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
15. Huỳnh Thị Thanh V, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Ấp MN, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
16. Trần Thị Th, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Ấp MN, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Phan Văn R, bà Phan Thị M, bà Phan Ngọc V, bà Phan Thị Nh, bà Phan Thị E, bà Phan Thị Ph, bà Phan Thị L, bà Trần Thị Th, chị Phạm Thị D, chị Phạm Thị O, anh Phạm Văn Q, chị Phạm Thị Th, chị Phạm Thị L, anh Phạm Quốc C, chị Huỳnh Thị Thanh V, chị Huỳnh Thị Kim D, anh Phan Tấn Đ, anh Phan Tấn Đ cùng thống nhất:

- Chia cho ông Phan Văn R:

+ Thửa đất số 1209, tờ bản đồ M1, diện tích 733m^2 đất ONT+CLN, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01240/MN do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31 tháng 10 năm 2005 cho hộ bà Phan Thị M đứng tên. Vị trí:

Đông giáp kênh số đo 39,31m;

Tây giáp đất Phan Thị L số đo 18,87m; 14,96m;

Nam giáp đất Phan Văn Ngh số đo 11,43m; giáp đất Phan Thị Ngọc M số đo 13,73m;

Bắc giáp đất Phan Thị A, số đo 4,78m.

+ Thửa đất số 1194 (*Thửa cũ 1012*), tờ bản đồ M1, diện tích 2.951,9m^2, đất LUC, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01238/MN do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31 tháng 10 năm 2005 hộ bà Phan Thị M đại diện hộ gia đình đứng tên. Có 02 phần.

Phần 1.Vị trí:

+ Đông giáp sông Vàm Cỏ số đo 29.60m;

+ Tây giáp đường đê số đo 31,80m;

+ Nam giáp đất Phan Văn Nh số đo 58,61m;

+ Bắc giáp đất Phan Thị A số đo 59,64m.

Phần 2. Vị trí:

+ Đông giáp kênh số đo 28,92m;

+ Tây đất Phan Thị A số đo 13,69m và 11,85m;

+ Nam giáp đường bê tông số đo 61,73m;

+ Bắc giáp đất Phan Thị A số đo 19,92m và 27,48m.

Địa chỉ các thửa đất: Ấp MN, xã BĐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Có sơ đồ kèm theo.

- Ông Phan Văn R được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với:

+ Thửa đất số 1209, tờ bản đồ M1, diện tích 733m^2 đất ONT+CLN, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01240/MN do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31 tháng 10 năm 2005 cho hộ bà Phan Thị M đứng tên sang cho ông Phan Văn R đứng tên theo quy định của pháp luật.

+ Thửa đất số 1194, tờ bản đồ M1, diện tích 2.951,93m^2, đất LUC, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01238/MN do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31 tháng 10 năm 2005 hộ bà Phan Thị M đại diện hộ gia đình đứng tên sang cho ông Phan Văn R đứng tên theo quy định của pháp luật.

Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Phan Văn R có nghĩa vụ chia cho bà Phan Thị M số tiền 375.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) vào ngày 08 tháng 6 năm 2022. Bà Phan Thị M đã nhận xong.

- Ông Phan Văn R có nghĩa vụ chia cho bà Phan Thi Nhạn số tiền 375.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) vào ngày 08 tháng 6 năm 2022. Bà Phan Nhạn đã nhận xong.

- Ông Phan Văn R có nghĩa vụ chia cho chị Phạm Thị D, chị Phạm Thị O, anh Phạm Văn Q, chị Phạm Thị Th, chị Phạm Thị L, anh Phạm Quốc C số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Thực hiện khi Quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Bà Phan Thị M có nghĩa vụ giao cho ông Phan Văn R:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01240/MN do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31 tháng 10 năm 2005 cho hộ bà Phan Thị M đứng tên

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01238/MN do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông cấp ngày 31 tháng 10 năm 2005 hộ bà Phan Thị M đại diện hộ gia đình đứng tên.

Hai bên đã giao nhận xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phan Thị M chịu 9.375.000 đồng (*Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);*

+ Bà Phan Thị Nh chịu 9.375.000 đồng (*Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);*

+ Ông Phan Văn R tự nguyện chịu 375.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi lăm*

nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân nhân dân TXGC;
- Chi cục thi hành án dân sự TXGC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

VÕ CHI LAN